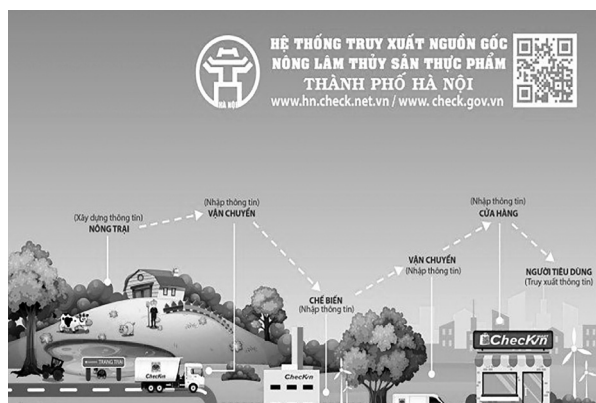


## GIẢI PHÁP QUẢN LÝ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC THỰC PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN



Mô hình quản lý luồng di chuyển sản phẩm

Ứng dụng công nghệ trong việc truy xuất nông sản đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển nông nghiệp. Đặc biệt trong bối cảnh sức ép của hội nhập kinh tế như hiện nay. Điều kiện xuất khẩu nông sản sang các thị trường tiên tiến yêu cầu ngày càng khắt khe hơn về chất lượng và nguồn gốc sản phẩm. Truy xuất nguồn gốc nông sản chính là kiểm soát được thông tin của sản phẩm và tránh bị giả mạo thương hiệu, đảm bảo việc rõ ràng nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo tính cam kết về sự minh bạch cũng như trách nhiệm về thông tin của đơn vị sản xuất công bố trong nội dung được mã hóa thành các mã Qr truy xuất nguồn gốc được gắn trên sản phẩm. Bài học về hàng ngàn tấn thanh long, dưa hấu bị ùn tắc tại các cửa khẩu nước bạn mỗi năm vẫn còn nguyên giá trị nếu như chúng ta không truy xuất được nguồn gốc sản phẩm do chính chúng ta làm ra.

Như đã biết truy xuất nguồn gốc thực phẩm là khả năng theo dõi, nhận diện được một đơn vị sản phẩm qua từng công đoạn của quá trình sản xuất kinh doanh". Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Y Tế đã ban hành các thông tư, văn bản hướng dẫn trong đó quy định rõ truy xuất nguồn gốc phải tuân thủ "Nguyên tắc truy xuất một bước trước - một bước sau" và yêu cầu các cơ sở phải lưu giữ thông tin để bảo đảm khả năng nhận diện được cơ sở sản xuất kinh doanh/ công đoạn sản xuất trước và cơ sở sản xuất kinh doanh/ công đoạn sản xuất tiếp theo sau trong quá trình sản xuất kinh doanh đối

với một sản phẩm được truy xuất. Để thống nhất trong việc quản lý các Hệ thống Truy xuất nguồn gốc, ngày 19/1/2019, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã ký Quyết định số 100/QĐ-TTg phê duyệt "Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc".

Thực hiện Kế hoạch số 02/KH – UBND ngày 03/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, năm 2018 Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Nội được giao nhiệm vụ chủ trì ứng dụng công nghệ CheckVN xây dựng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản thực phẩm Check.gov.vn (Hn.check.net.vn). Tới thời điểm hiện tại 100% các quận, huyện, thị xã và 2 chợ đầu mối của Hà Nội đã được cấp tài khoản quản trị, hơn 8000 mã sản phẩm đủ điều kiện an toàn thực phẩm của Hà Nội và các chuỗi cung ứng liên kết sản xuất với Hà Nội đã được cấp mã truy xuất nguồn gốc và minh bạch thông tin trên hệ thống. Hà Nội đã từng bước hoàn thiện các chức năng thương mại điện tử, hệ thống song ngữ Anh – Việt và hướng dẫn doanh nghiệp ứng dụng Module luồng di chuyển của Hệ thống vào thực tiễn.

Đối với Module luồng di chuyển sản phẩm trên hệ thống Check.gov.vn (hn.check.net.vn) và quản lý luồng di chuyển sản phẩm thông qua hệ thống này - được coi là một Module quan trọng nằm bên trong Hệ thống Check.gov.vn (hn.check.net.vn) của Hà Nội, cho phép các bên tham gia hệ thống khi được cấp tài khoản quản trị sẽ cập nhật toàn bộ thông tin từ đầu vào sản xuất - sơ chế, chế biến – logistics – lưu thông phân phối sản phẩm. Với các hình thức nhập liệu bằng văn bản, giọng nói, hình ảnh và thiết bị IOT Module này rất dễ sử dụng và được các doanh nghiệp tích cực đón nhận.

Các trường thông tin của Module luồng di chuyển được xây dựng phù hợp với Tiêu chuẩn TCVN và Tiêu chuẩn GS1 của Tổ chức mã số mã vạch thế giới, đáp ứng qua các công đoạn thiết lập thông tin luồng di chuyển sản phẩm theo 5 chữ W: Who: Ai? ;What: Cái gì? ;Where: Ở chỗ nào? ;When: Khi nào? ;Why: Tại sao?

Các thông tin về quá trình hình thành sản

phẩm, chăm sóc, vun trồng, thu hái, sơ chế, chế biến, đóng gói, lưu thông, vận chuyển, phân phối và mua hàng... được bên tham gia cập nhật lên hệ thống theo các trường thông tin được thụ nhận và chia sẻ theo các mặt "AI (Who)?, CÁI GÌ (What)?, KHI NÀO (Where)?, Ở Đâu (When)? VÀ TẠI SAO (Why)?".

Bên cạnh các mặt thông tin này, Hệ thống của Hà Nội còn có những mặt thông tin khác được hiển thị do sử dụng công nghệ CheckVN với các thuật toán bảo mật độc quyền về sở hữu trí tuệ vừa đảm bảo tính ngẫu nhiên duy nhất của sản phẩm, vừa giúp người tiêu dùng và các bên tham gia trong chuỗi sản xuất theo dõi, nhận diện được một đối tượng truy xuất (Sản phẩm hàng hóa, công đoạn trong chuỗi sản xuất, đối tượng này có thể là đối tượng vật lý hoặc đối tượng số cần thiết xác định trong chuỗi cung ứng) qua từng công đoạn của quá trình sản xuất, kinh doanh. Điều này không chỉ cho phép minh bạch các thông tin truy xuất nguồn gốc mà còn chống giả bảo vệ thương hiệu rất hiệu quả.

Để đảm bảo truy xuất nguồn gốc và minh bạch toàn bộ quá trình hình thành và di chuyển của đối tượng truy xuất nguồn gốc, Hà Nội đã xây dựng Module quản lý luồng di chuyển với các chức năng dành cho các bên tham gia bao gồm:

Thiết lập thông tin luồng di chuyển sản phẩm của bên tham gia là doanh nghiệp, HTX sản xuất ban đầu; Thiết lập thông tin luồng di chuyển sản phẩm của bên tham gia là doanh nghiệp, HTX sơ chế, chế biến; Thiết lập thông tin luồng di chuyển sản phẩm của bên tham gia là doanh nghiệp, HTX vận chuyển, logistics; Thiết lập thông tin luồng di chuyển sản phẩm của bên tham gia là nhà phân phối, Cửa Hàng, Siêu Thị; Thiết lập thông tin của người tiêu dùng sử dụng sản phẩm.

Việc xây dựng thành công luồng di chuyển sản phẩm trên hệ thống Check.gov.vn đã giúp cho Hà Nội có một công cụ quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm gắn với dòng thời gian thực mà ở đó các bên tham gia đều được hưởng lợi.

\* Nhà quản lý có một công cụ quản lý gắn với dòng thời gian thực số hoá tới các cơ sở sản xuất, chế biến, cơ sở phân phối; quản trị và quản lý toàn diện chuỗi cung ứng; công cụ hữu ích nâng cao năng lực quản lý, giảm thiểu chi phí cho cơ quan chức năng trong công tác thống kê, điều tra, phòng chống hàng giả, hàng nhái và gian lận thương mại thông qua Check.gov.vn;

\* Nhà sản xuất có một công cụ quản trị

dòng hàng, quản lý sản xuất gắn với thị trường, thống kê và minh bạch thông tin truy xuất nguồn gốc; truyền thông, quảng bá, xây dựng và bảo vệ thương hiệu; nâng cao năng lực cạnh tranh khi tham gia chuỗi liên kết, chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng toàn cầu.

\* Người tiêu dùng dễ dàng nhận biết, truy xuất nguồn gốc được thông tin về sản phẩm, các tình trạng của sản phẩm bằng chữ, âm thanh, hình ảnh qua tất cả các khâu trong quá trình sản xuất, chế biến, vận chuyển và phân phối sản phẩm cho đến khi tới tay người tiêu dùng thông qua app CheckVN trên smartphone.

Hầu hết các bên tham gia trong đó đặc biệt là doanh nghiệp rất phấn khởi khi được thụ hưởng thành tựu khoa học mà Hà Nội ứng dụng. Mặc dù trong kế hoạch thí điểm, năm 2019 Hà Nội sẽ có 5 chuỗi sản xuất ứng dụng Module này nhưng tới thời điểm hiện tại, Hà Nội có 12 đơn vị tiên phong ứng dụng module luồng di chuyển minh bạch quá trình hình thành sản phẩm trên Check.gov.vn bao gồm:

\* **Huyện Đông Anh:** Hợp tác xã Nông nghiệp hữu cơ Tiên Dương; Cơ sở chế biến thực phẩm Mạnh Cường; Hợp tác xã Nông nghiệp Hữu cơ Tầm Xá;

\* **Huyện Sóc Sơn:** Liên nhóm sản xuất rau hữu cơ PGS Thanh Xuân; Công ty CP Thương mại và dịch vụ nông nghiệp Hoa Sơn;

\* **Quận Thanh Xuân:** Công ty TNHH Thực phẩm Phú Thiên Tân; Công ty TNHH Nông nghiệp Hòn Đất (Chuỗi thực phẩm sạch Bác Tôm)

\* **Huyện Chương Mỹ:** Hợp tác xã rau quả sạch Chúc Sơn; Hợp tác xã Bưởi Núi Bé

\* Quận Hoàng Mai: Công ty CP Kinh doanh, chế biến nông sản Bảo Minh;

\* **Huyện Mê Linh:** Hợp tác xã Nông nghiệp Khánh Phong; Hợp tác xã DVTH Đông Cao xã Tráng Việt

Các hợp tác xã Rau sạch Yên Dũng; hợp tác xã Cây ăn quả Lục Ngạn (Bắc Giang); Liên nhóm sản xuất rau hữu cơ PGS Trác Văn (Hà Nam); Cơ sở sản xuất rau an toàn Phương Nam (Ninh Bình) là các đơn vị ngoại tỉnh đã ứng dụng Module luồng di chuyển khi tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản với Hà Nội.

Hiện tại Hệ thống của Hà Nội đã được Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá, giám định và thẩm định; Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng và Trung tâm MSMV chuẩn hóa theo chuẩn TCVN và GS1; sẵn sàng đấu nối với Hệ thống truy xuất nguồn gốc Bộ Nông nghiệp và Hệ thống truy xuất nguồn gốc

quốc gia theo Quyết định 100/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ Nguyễn Xuân Phúc; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người

tiêu dùng, tạo thuận lợi và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các bên tham gia./.

**Trần Huyền Trang**

## **ĐẨY MẠNH QUẢNG BÁ, KẾT NỐI TIÊU THỤ SẢN PHẨM NHÃN CHÍN MUỘN NĂM 2020**



Trước tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, đầu ra nông sản còn gặp nhiều khó khăn, Trung tâm Phát triển nông nghiệp Hà Nội đã tổ chức chương trình truyền thông, quảng bá, kết nối, trao đổi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhãn chín muộn năm 2020. Tham dự chương trình có ông Nguyễn Xuân Đại, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT cùng đại diện một số đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp; đại diện phòng Kinh tế huyện Quốc Oai, Hoài Đức; đại diện xã, HTX Đại Thành (Quốc Oai), Song Phương (Hoài Đức) và đại diện một số doanh nghiệp tiêu thụ nhãn chín muộn.

Theo báo cáo, cây nhãn là cây thứ ba trong bốn loại cây ăn quả chủ lực của Hà Nội với diện tích nhãn là 1.980 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 21.600 tấn. Diện tích nhãn chín muộn (HTM1, HTM2) hơn 650 ha, năng suất đạt 19-20 tấn/ha, sản lượng 9.000-10.000 tấn, giá bán bình quân các năm từ 25.000-30.000 đồng/kg, giá trị sản phẩm là 266 tỷ đồng. Theo thống kê, nhãn chín muộn Hà Nội tập trung tại 3 vùng gồm: Vùng nhãn ven sông Đáy thuộc huyện Quốc Oai tập trung chủ yếu tại xã Đại Thành, diện tích 165 ha/220 ha toàn huyện, sản lượng ước đạt 2.500-2.850 tấn; Vùng nhãn ven sông Đáy thuộc huyện Hoài Đức, diện tích 146 ha/164 ha toàn huyện, sản lượng ước đạt 2.400- 2.600 tấn tại các xã: An Thượng, Đông Lao, Song Phương...; Huyện Chương Mỹ trồng tập trung tại xã Lam Điền, diện tích đạt 41,7 ha/90 ha toàn huyện, sản lượng ước đạt 800-850 tấn.

Sản lượng nhãn chín muộn hàng năm đạt

khoảng 9.000- 10.000 tấn. Hiện nay, phần lớn nhãn chín muộn ở Hà Nội tiêu thụ ở dạng quả tươi, qua sơ chế, đóng gói, nhãn mứt. Hàng năm, Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội cũng tổ chức các hội nghị liên kết các tỉnh sản xuất phát triển, quảng bá và tiêu thụ đặc sản nhãn chín muộn tại huyện Quốc Oai, Hoài Đức. Qua đó, các doanh nghiệp, siêu thị, cửa hàng tiện ích thu mua 30-40% và thương lái mua 60-70%. Đặc biệt, năm 2016 đã xuất khẩu 10 tấn nhãn chín muộn sang thị trường Malaysia; Năm 2018 xuất khẩu 19 tấn sang thị trường Mỹ và Ba Lan; Năm 2019 xuất khẩu 1,2 tấn sang thị trường Úc.

Ông Nguyễn Xuân Đại, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội cho biết, năm 2020, do dịch bệnh covid 19 diễn biến phức tạp trên toàn thế giới, việc xuất khẩu nông sản gặp rất nhiều khó khăn, để chủ động tìm đầu ra cho sản phẩm nông sản nói chung và sản phẩm nhãn chín muộn nói riêng, Sở Nông nghiệp đã giúp bà con kết nối với các doanh nghiệp tiêu thụ vào các siêu thị, cửa hàng nông sản an toàn trên địa bàn thành phố, đồng thời tìm kiếm thị trường xuất khẩu nhãn chín muộn. Bên cạnh đó, Sở cũng tập trung chỉ đạo sản xuất nhãn chín muộn theo quy trình an toàn, sản xuất VietGAP, GlobalGAP và hữu cơ. Ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ bảo quản cận và sau thu hoạch để hạn chế giảm chất lượng, hao hụt sau thu hoạch và đa dạng sản phẩm tiêu thụ. Tăng cường tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm nhãn trên các website, truyền hình, báo chí,... để mở rộng thị trường tiêu thụ. Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm.

Sau khi tham quan thực tế, Trung tâm Phát triển nông nghiệp Hà Nội đã tổ chức ký kết tiêu thụ sản phẩm giữa nhà vườn sản xuất nhãn chín muộn tại xã Đại Thành (huyện Quốc Oai) và đại diện các doanh nghiệp gồm: Công ty cổ phần quốc tế Bamboo, Công ty cổ phần AMEii Việt Nam và Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Greenpath Việt Nam./.

**Nguyễn Thúy**



## TỌA ĐÀM “PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH NUÔI CÁ - LÚA ĐẠT HIỆU QUẢ CAO VÀ BỀN VỮNG”



Nhằm nâng cao nhận thức cho bà con nông dân về kỹ thuật chăm sóc và quản lý dịch bệnh cho cá theo mô hình nuôi cá trong ruộng lúa (cá - lúa), vừa qua, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã tổ chức buổi tọa đàm về “Phát triển mô hình nuôi cá - lúa đạt hiệu quả cao và bền vững” tại xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức.

Theo ông Kim Văn Tiêu - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia, thực tế cho thấy các mô hình cá - lúa đã và đang mang lại hiệu quả cao cho bà con nông dân. Đây không phải là mô hình mới, tuy nhiên cần đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn đến người nông dân để nâng cao hiệu quả sản

xuất, góp phần nuôi trồng thủy sản bền vững. Hiện Nhà nước đã có chính sách hỗ trợ nông dân phát triển mô hình cá - lúa. Cụ thể, ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí để xây dựng mô hình, gồm giống, thức ăn chăn nuôi, vật tư, ... Để được hỗ trợ, bà con nông dân cần đối ứng với các điều kiện như có ao nuôi phù hợp, giao thông đi lại thuận tiện...

Tại buổi tọa đàm, nhiều câu hỏi của bà con nông dân liên quan đến việc thực hiện mô hình nuôi cá - lúa, cách chăm sóc và quản lý dịch bệnh, và các chính sách hỗ trợ triển khai mô hình đã được lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, đại diện Trung tâm Khuyến nông và Chi cục Thủy sản Hà Nội giải đáp, tư vấn và hướng dẫn.

Mô hình cá - lúa tạo ra hệ sinh thái mang lại lợi ích cho cá và cả quá trình sinh trưởng của lúa. Tại huyện Mỹ Đức, hiện có 1.672ha nuôi trồng thủy sản, trong đó, diện tích thả cá trong lúa là 394,98ha, chủ yếu ở các xã Hợp Thanh, Thượng Lâm, Hương Sơn,... Qua đánh giá tại xã Hợp Thanh, trên diện tích 1ha bà con có thể thu về từ 110 - 130 triệu đồng/vụ (bao gồm cả cá và lúa)./.

**Lưu Phương**

## NÔNG DÂN BA VÌ TRỒNG TRỌT, CHĂN NUÔI THEO TIÊU CHÍ “4 CAO”

Với phương châm thực hiện 4 cao là: “Năng suất cao, chất lượng cao, hiệu quả kinh tế cao và sức cạnh tranh cao”, Hội Nông dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội đã tích cực tuyên truyền, phát động, hội viên nông dân thi đua, lao động sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, xây dựng các mô hình kinh tế đa dạng, cho hiệu quả cao.

Đến nay, Hội Nông dân huyện Ba Vì đang duy trì hoạt động của 31 câu lạc bộ phát triển kinh tế với 1.088 thành viên và 10 mô hình kinh tế tập thể có hiệu quả cao. Để phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi đi vào chiều sâu, trong 5 năm (2015 - 2020), Hội Nông dân huyện Ba Vì đã phối hợp tổ chức trên 1.000 lớp tập huấn kỹ thuật cho 102.970 lượt cán bộ, hội viên. Đồng thời, tạo điều kiện cho cán bộ, hội viên nông dân đi tham quan các mô hình kinh tế tiêu biểu trên địa bàn huyện và các vùng lân cận.

Với những việc làm thiết thực, phong trào đã thu hút hàng nghìn hộ nông dân tham gia, giúp các hội viên đổi mới tư duy sản xuất, vươn lên thoát nghèo và làm giàu chính đáng. Hội đã phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT thành lập 97 tổ tín chấp cho 4.491 hộ vay vốn với tổng số tiền là 317,509 tỷ đồng; phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội huyện quản lý 158 tổ tiết kiệm vay vốn, cho 6.458 hộ vay với tổng số tiền là 221,6 tỷ đồng. Đồng thời, Hội Nông dân huyện Ba Vì cũng làm tốt công tác quản lý và sử dụng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp với tổng số tiền là 47,766 tỷ đồng cho 2.614 hộ vay.

Từ việc thực hiện có hiệu quả phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, nhận thức cũng như đời sống của nông dân trên địa bàn huyện Ba Vì đã được nâng lên rất nhiều./.

**Lưu Phương**

## GIẢI PHÁP PHÒNG BỆNH CHO CÁ RÔ PHI MÙA NẮNG NÓNG



Rô phi là loài cá ăn tạp, dễ nuôi, thịt thơm ngon, có giá trị kinh tế cao được thị trường ưa chuộng. Tuy nhiên, trong những năm gần đây dịch bệnh xuất huyết lồi mắt do liên cầu khuẩn thường xảy vào mùa xuân hè đã gây tổn thất không nhỏ cho người nuôi, đặc biệt là trong vụ hè năm 2019, đây sản lượng cá nuôi giảm sâu.

### Mầm bệnh

Tác nhân gây bệnh cho cá là liên cầu khuẩn gram dương, gồm 2 loài vi khuẩn gây bệnh chính là *Streptococcus iniae* và *Streptococcus agalactiae*. Bệnh đã và đang là mối đe dọa cho nhiều loài cá ở các môi trường sống khác nhau như cá biển, cá nước lợ và cá nước ngọt. Tuy nhiên, mối đe dọa chính của bệnh này trong những năm gần đây là cá rô phi, điều hồng nuôi mật độ cao trong ao/lồng.

### Dấu hiệu lâm sàng

Cá bị bệnh do *Streptococcus* sp. thể hiện một số triệu chứng điển hình: Ban đầu có hiện tượng cá kém ăn, bỏ ăn, bơi lờ đờ ở tầng mặt hoặc sát thành lồng. Những cá bệnh nặng có hiện tượng bơi xoay vòng (bơi không định hướng do vi khuẩn tấn công vào não bộ), mắt lồi và mờ đục một hoặc hai bên (bệnh nặng có thể dẫn đến hiện tượng vỡ mắt), đen thân, có hiện tượng xuất huyết trên da, xương nắp mang và gốc vây. Mặc dù triệu chứng điển hình nhất của bệnh là hiện tượng mắt lồi và xuất huyết, trong một số trường hợp cá nhiễm bệnh do *Streptococcus* sp nhưng không biểu hiện rõ triệu chứng trước khi chết. Cá bệnh chỉ xuất hiện hiện tượng đười bị ăn mòn, mang nhợt nhạt có hiện tượng xuất huyết dạng điểm, trong trường hợp này cá thường chết với tỷ lệ cao

trong thời gian ngắn là do cá nhiễm trùng máu nặng kèm theo tổn thương não và hệ thống thần kinh.

Giải phẫu xoang bụng cho thấy gan, lá lách, thận, ruột là các cơ quan có nhiều tổn thương và chiếm tỷ lệ cao. Trong đó, gan và thận thể hiện sự tổn thương ở nhiều mức độ khác nhau như sưng, xung huyết, xuất huyết và tụ huyết, mẫu cá có biểu hiện lồi mắt và kéo màng. Một số con bị bệnh nặng gan thường bị sưng rất to, rìa tù và nhũn. Lách cá bệnh thường bị sưng, tụ huyết và thay đổi hình dạng bình thường. Lách của cá rô phi khỏe mạnh thường mỏng dẹt, có hình lá liễu, tuy nhiên khi mắc bệnh lá lách tụ máu, sưng to, những con bị nặng lá lách căng phồng lên và chuyển sang dạng hình chuông. Ruột cá bệnh thường xung huyết hoặc xuất huyết, ruột chứa nhiều chất nhầy, niêm mạc ruột xuất huyết, một số vùng của niêm mạc ruột còn bị thoái hóa rõ rệt.

### Yếu tố rủi ro xuất hiện bệnh

Một số nguyên nhân gây stress trong ao/lồng nuôi của cá bị bệnh như nhiệt độ cao, pH>8, ôxy hòa tan thấp, nước có hàm lượng amonia, nitrite cao, nuôi với mật độ dày, quá trình vận chuyển và đánh bắt cá là những yếu tố quan trọng làm cho dịch bệnh thêm trầm trọng. Nhiệt độ cao trên 31°C là một yếu tố quan trọng làm bùng phát dịch bệnh này. Đối với khu vực phía Bắc, bệnh thường xảy ra vào tháng 6 đến tháng 9, đây là thời điểm có nền nhiệt độ cao và đi kèm với những trận mưa rào là điều kiện thuận lợi cho việc bùng phát bệnh này.

### Giải pháp phòng bệnh

Để phòng bệnh cho cá, người nuôi nên thực hiện biện pháp phòng bệnh tổng hợp. Đặc biệt, cần thực hiện triệt để một số công việc sau:

- Duy trì độ sâu mực nước ao luôn lớn hơn 2m.
- Tránh gây sốc cho cá trong vận chuyển, đánh bắt, cho ăn (giảm lượng cho ăn trên ngày, cắt bữa ăn trưa khi nhiệt độ nước trên 35°C).
- Tăng cường sức đề kháng cho cá: Bổ sung Vitamin C + Vitamin tổng hợp và khoáng.
- Quản lý chênh lệch nhiệt độ giữa tầng

mặt và tầng đáy: Bật máy quạt nước từ 12h - 18h hàng ngày và từ 22h đêm đến 5h sáng; Dùng lưới đen che mặt lồng.

- Sử dụng C tạt trực tiếp xuống ao nuôi vào lúc 14 - 16h trong những ngày thời tiết nắng gắt.

- Định kỳ sử dụng chế phẩm Probiotics và men xử lý đáy để tạo hệ vi sinh có lợi và hấp thu khí độc ở tầng đáy.

- Dự trữ ôxy cấp cứu trong kho để sử dụng trong các trường hợp cần thiết.

### **Xử lý ao/lồng bị bệnh**

Đối với ao/lồng bị bệnh, cần áp dụng tổng hợp các biện pháp sau:

- Loại bỏ ngay những con chết và yếu.  
- Xử lý môi trường nước bằng phương pháp phun hóa chất xuống ao nuôi hoặc treo túi hóa chất đối với khu lồng - bè.

- Dừng cho cá ăn 1 ngày.

- Gửi mẫu xét nghiệm và làm kháng sinh đồ.

- Sử dụng kháng sinh (dựa trên kết quả kháng sinh đồ), Vitamin C/chất tăng cường hệ miễn dịch (Beta - glucan) cho ăn liên tục 7 - 10 ngày.

- Sau khi kết thúc dùng kháng sinh, tiếp tục cho ăn Vitamin C và sử dụng thêm men tiêu hóa và giải độc gan trong vòng 10 ngày./.

**TX (Theo Tạp chí Thủy sản Việt Nam)**

## **THÔNG BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI LÚA VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ**

Hiện nay lúa trà sớm chín sữa, trà trung và trà muộn làm đồng - trở bông. Thời tiết nắng nóng xen kẽ mưa là điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh phát sinh, gây hại trên lúa từ nay đến cuối vụ.

- Chuột: gây hại cục bộ, tỷ lệ trung bình 3-5% số dảnh, cao 10-12% số dảnh, cục bộ >20% số dảnh.

- Sâu cuốn lá nhỏ: mật độ trung bình 1-3 con/m<sup>2</sup>, cao 7-10 con/m<sup>2</sup>, cục bộ 15-20 con/m<sup>2</sup>; phổ biến nhộng, trưởng thành. Trưởng thành vũ hóa rộ từ 25/8 - 01/9, sâu non nở rộ từ 28/8-04/9 và gây hại mạnh từ 05-15/9.

- Bọ rầy: mật độ trung bình 50-70 con/m<sup>2</sup>, cao 100-200 con/m<sup>2</sup>, tuổi 4,5-trưởng thành; cục bộ 800-1000 con/m<sup>2</sup>, tuổi 1-2. Thời gian tối bọ rầy tiếp tục gia tăng về mật độ và gây hại mạnh trên trà sớm, trà trung giai đoạn chín sữa - chín sấp.

- Bệnh khô vằn: tỷ lệ bệnh trung bình 5-7% số dảnh, cao 15-20% số dảnh, cục bộ >30% số dảnh; phổ biến cấp 3-5. Bệnh tiếp tục hại tăng từ nay đến cuối vụ.

- Bệnh bạc lá - đốm sọc vi khuẩn: hại cục bộ, tỷ lệ bệnh trung bình 5-7% số lá, cao 15-20% số lá, cấp 3. Bệnh tiếp tục phát sinh và gây hại từ nay đến cuối vụ sau các đợt mưa giông, trên những giống nhiễm, những diện tích bón thừa đạm.

- Sâu đục thân bướm 2 chấm gây bông bạc rải rác trên trà sớm.

Biện pháp phòng trừ:

Tăng cường kiểm tra đồng ruộng; phân loại trà lúa và xác định mật độ sâu, tỷ lệ bệnh trên từng trà lúa tại địa phương để chủ động các biện pháp phòng trừ kịp thời:

- Đối với sâu cuốn lá nhỏ: tổ chức phun

phòng trừ ở những diện tích lúa có mật độ sâu non >30 con/m<sup>2</sup> khi sâu ở tuổi 1,2 bằng các loại thuốc có chứa hoạt chất Chlorantraniliprole, Chlorpyripos,... như: Virtako 40WG, Prevathon® 35WG, Megashield 525EC,... từ ngày 01-08/9.

- Đối với bọ rầy: Tổ chức phun thuốc phòng trừ bọ rầy ở những diện tích lúa có mật độ rầy > 3.000 con/m<sup>2</sup> khi rầy chủ yếu ở tuổi 1,2 bằng một trong các loại thuốc có chứa hoạt chất Thiamethoxam, Pymetrozine, Buprofezin,... như Chess 50WG, Winter 635EC, Penaty gold 50EC, Hichespro 50WP, Cheestar 50WG,... Sau khi phun thuốc 2-3 ngày, kiểm tra lại đồng ruộng, nếu thấy mật độ bọ rầy còn cao tiếp tục phun thuốc trừ lần 2.

- Đối với bệnh khô vằn: Phun phòng trừ những diện tích có tỷ lệ bệnh >20% số dảnh bằng một trong các loại thuốc chứa hoạt chất Propiconazole, Difenconazole, Hexaconazole,... như Nevo 330EC, Tilt super 300EC, Newsuper 330EC, Superone 300EC, Chevin 5SC,...

- Đối với bệnh bạc lá - đốm sọc vi khuẩn: trên những diện tích lúa đã bị bệnh cần dùng bón tất cả các loại phân kể cả phân bón lá; giữ nước thường xuyên trên ruộng để tăng khả năng chống chịu của cây. Phun phòng trừ khi bệnh mới xuất hiện bằng một trong các loại thuốc có chứa hoạt chất Bismethiazol, Copper Oxychloride, Streptomycin,... như Xanthomix 20WP, Sieusieu 250WP, Batocide 12WP, Reward 775WP,...

Chú ý: Phun đủ 25-30 lít nước thuốc đã pha/sào, nên phun vào buổi chiều mát./.

**TX (TH)**

# NHÀ NÔNG & DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

## DỰ BÁO THỜI TIẾT 10 NGÀY THÀNH PHỐ HÀ NỘI (TỪ NGÀY 01 ĐẾN NGÀY 10 THÁNG 9 NĂM 2020)

### 1. Xu thế thời tiết 10 ngày:

Những ngày đầu khu vực chịu ảnh hưởng của rìa phía nam rãnh áp thấp có trục ở khoảng 25-27 độ vĩ bắc. Khoảng từ ngày 5-7 khu vực chịu ảnh hưởng của rãnh áp thấp bị nén bởi bộ phận tăng áp ở phía bắc. Những ngày sau rãnh áp thấp suy yếu và đẩy dần lên.

### 2. Dự báo chi tiết các yếu tố khí tượng:

Từ ngày 01 - 04: Mây thay đổi, ngày nắng, chiều tối và đêm có mưa, mưa rào và dông vài nơi. Gió Đông nam cấp 2.

Từ ngày 05 - 07: Nhiều mây, có mưa, có nơi có mưa vừa, mưa to và dông, trong mưa dông

để phòng có gió giật mạnh. Gió Đông bắc cấp 2.

Những ngày còn lại: Mây thay đổi, ngày nắng, đêm có mưa rào và dông vài nơi. Gió Đông bắc đến Đông cấp 2.

Nhiệt độ trung bình: 28.0 - 29.0°C.

Nhiệt độ cao nhất: 33 - 35°C.

Nhiệt độ thấp nhất: 22 - 24°C.

Lượng mưa phổ biến: 50 - 80mm. Có nơi lớn hơn.

Độ ẩm trung bình: 82 - 87%.

Tổng số giờ nắng: 35 - 40 giờ.

Theo Đài KTTV KVĐB Bắc Bộ

## PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Nhằm triển khai, thúc đẩy việc ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử (TMĐT) trong doanh nghiệp, giúp người dân tìm kiếm trực tuyến các địa điểm mua sắm, tiêu dùng hiệu quả, ngày 20/8/2020, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 169/KH-UBND về phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo Kế hoạch, mục tiêu cụ thể về quy mô thị trường TMĐT đến năm 2025, doanh số thương mại điện tử B2C (tính cho hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trực tuyến) chiếm 10% so với mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn Thành phố, tăng trưởng trung bình hằng năm so với năm trước khoảng 20%. Phần đầu tỷ lệ người dân tham gia mua sắm trực tuyến đạt 55%; Thanh toán không dùng tiền mặt đạt 50%. Về ứng dụng TMĐT trong doanh nghiệp có 80% website TMĐT có tích hợp chức năng đặt hàng trực tuyến...

Để phần đầu đạt được mục tiêu, Kế hoạch tập trung vào các nội dung sau:

Xây dựng, phát triển các hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ cho TMĐT, nâng cấp website "Bản đồ mua sắm thành phố Hà Nội" và điều hành quảng bá website tại địa chỉ: bandomuasam.hanoi.gov.vn. Phát triển các hạ tầng, giải pháp hỗ trợ giao dịch điện tử tích hợp trong thương mại và dịch vụ công, chú trọng phát triển các tiện ích thanh toán trên nền tảng di động, vi

điện tử, mã QR code, đảm bảo an ninh, an toàn thanh toán.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cộng đồng trong TMĐT thông qua báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, mạng xã hội và các loại hình khác. Phối hợp Bộ Công thương tổ chức thường niên Ngày mua sắm trực tuyến Việt Nam và các sự kiện thúc đẩy phát triển TMĐT trên địa bàn Thành phố.

Nâng cao năng lực quản lý và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ TMĐT. Tổ chức đào tạo lực lượng cán bộ chuyên trách về TMĐT có chuyên môn sâu đáp ứng được công tác quản lý nhà nước về TMĐT, nâng cao năng lực cho đội ngũ thực thi pháp luật về TMĐT...

Kế hoạch giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp TMĐT với doanh nghiệp phân phối truyền thống, nhà phân phối thông qua các chương trình như: phân phối thực phẩm an toàn, khuyến mại trực tuyến... nhằm tăng cường hợp tác trong cộng đồng doanh nghiệp và củng cố, nâng cao niềm tin của người tiêu dùng vào TMĐT. Tổ chức các chương trình đào tạo kiến thức, kỹ năng ứng dụng giao dịch TMĐT, ứng dụng thanh toán điện tử, chữ ký điện tử, các biện pháp an toàn thông tin và vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong phân phối nông sản.



Triển khai các hoạt động tư vấn cho doanh nghiệp quy trình kinh doanh trực tiếp từ nhà sản xuất đến người phân phối và khách hàng thông qua mạng Internet. Chương trình một xã một sản phẩm với TMĐT để xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; Đẩy mạnh ứng dụng TMĐT cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quảng bá và xây dựng thương hiệu cho hàng hóa nông sản thực phẩm trên địa bàn thành phố, tăng cường giao thương với các khu vực khác.

Sở NN&PTNT tiếp tục tiến hành sửa đổi, cập nhật và hoàn thiện về cả tính năng, nội dung và hình thức của trang website: chonhaminh.gov.vn và ứng dụng trên nền tảng di động (app, mobile) của chợ đồng bộ hiệu quả; phát

triển 01 mô hình Logistic cho hàng hóa giao dịch trên Chợ nhà mình. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và vận hành sàn giao dịch nông sản, thực phẩm an toàn trên môi trường mạng. Tăng cường kiểm tra việc truy xuất nguồn gốc với nông sản, thực phẩm có gắn mã QR.

Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền truyền các ứng dụng tham gia truy xuất nguồn gốc, TMĐT trong nông sản, khuyến khích các cơ sở sản xuất tiêu biểu, hệ thống phân phối uy tín tham gia các sàn giao dịch TMĐT, sử dụng các công cụ trong thanh toán điện tử không dùng tiền mặt./.

**Đặng Diện (TH)**

## **PHẦN ĐẦU ĐẾN HẾT NĂM 2021 CÓ 100% SỐ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**

Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội vừa có báo cáo về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới 7 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021.

Theo đó, đến nay, toàn thành phố đã có 6 huyện được công nhận đạt chuẩn NTM, gồm: Đan Phượng, Đông Anh, Thanh Trì, Hoài Đức, Quốc Oai và Gia Lâm. Dự kiến, hết năm 2020, có thêm 7 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn NTM. Về xây dựng xã NTM và NTM nâng cao, đến nay có 355/382 xã (chiếm 92,9%) được UBND thành phố công nhận đạt chuẩn NTM, 13 xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao. Trong số 27 xã còn lại chưa đạt chuẩn NTM có 24 xã đạt và cơ bản đạt từ 15-18 tiêu chí, 3 xã đạt và cơ bản đạt từ 11-14 tiêu chí. Dự kiến, đến hết năm 2020, có thêm 13 xã đạt chuẩn NTM, 10 xã đạt chuẩn NTM nâng cao.

Nhìn chung, đời sống nông dân trên địa bàn thành phố không ngừng được cải thiện và nâng cao, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2019 đạt 51,5 triệu đồng/người/năm. Công tác y tế, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe nông dân có nhiều tiến bộ, 100% trạm y tế xã có bác sĩ công tác tại trạm. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn toàn thành phố đạt 88,3%. Có 100% xã kết nối Internet; hầu hết các hộ có điện thoại.

Năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm từ 1,81% xuống còn 0,69% (chưa trừ hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội), đến nay, có 3 huyện Đông Anh, Gia Lâm và Hoài Đức không còn hộ nghèo. Dự kiến, đến hết năm 2020, thu nhập của nông dân khu vực nông thôn Thủ đô đạt 53 triệu đồng/người/năm trở lên; tỷ

lệ hộ nghèo khu vực nông thôn còn dưới 0,5%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70-75%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn đô thị đạt từ 95% - 100%.

Về thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM: Quy hoạch có 100% số xã đạt tiêu chí; giao thông có 381/382 xã đạt và cơ bản đạt; thủy lợi có 381/382 xã đạt và cơ bản đạt; điện có 100% số xã đạt tiêu chí; trường học có 361/382 xã đạt và cơ bản đạt, còn 21 xã chưa đạt; cơ sở vật chất văn hóa có 371/382 xã đạt và cơ bản đạt; cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn có 365/382 xã đạt và cơ bản đạt; thông tin và truyền thông có 100% xã đạt tiêu chí; nhà ở dân cư có 100% số xã đạt và cơ bản đạt; thu nhập có 369/382 xã đạt và cơ bản đạt; hộ nghèo có 377/382 xã đạt và cơ bản đạt; lao động có việc làm có 381/382 xã đạt và cơ bản đạt; tổ chức sản xuất có 100% xã đạt và cơ bản đạt tiêu chí; giáo dục và đào tạo có 100% số xã đạt và cơ bản đạt tiêu chí; văn hóa có 372/382 xã đạt và cơ bản đạt; môi trường và ATTP có 380/382 xã đạt và cơ bản đạt; hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật có 381/382 xã đạt và cơ bản đạt; quốc phòng và an ninh có 381/382 xã đạt và cơ bản đạt.

Về kế hoạch phấn đấu đến hết năm 2021, toàn thành phố có 100% số xã đạt chuẩn NTM, có thêm 3 huyện đạt chuẩn NTM, có 30 xã đạt chuẩn NTM nâng cao trở lên, 20 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu./.

**NT (Theo Cổng GTĐT Hà Nội)**



## HÀ NỘI: XÂY DỰNG LỘ TRÌNH QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẶC DỤNG

Ban quản lý rừng phòng hộ - đặc dụng Hà Nội vừa ban hành Kế hoạch số 552/KH-BQLR, về tăng cường bảo vệ, chăm sóc phục hồi và quản lý rừng phòng hộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Hiện, Ban quản lý rừng phòng hộ - đặc dụng Hà Nội đang quản lý hơn 5.160ha rừng phòng hộ, đặc dụng; trong đó: Khu vực rừng đặc dụng Hương Sơn hơn 3.416ha; khu vực rừng phòng hộ Sóc Sơn hơn 1.744ha. Theo Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 9/6/2020 về việc công bố hiện trạng rừng thành phố Hà Nội năm 2019 thì tổng diện tích rừng phòng hộ dự kiến Ban sẽ tiếp nhận thêm hơn 1.996ha, nâng tổng số diện tích rừng phòng hộ mà Ban quản lý là hơn 3.740ha.

Để tăng cường bảo vệ, chăm sóc phục hồi và quản lý rừng phòng hộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Ban Quản lý rừng phòng hộ - đặc dụng Hà Nội sẽ từng bước cải thiện chất lượng các loại rừng, nhất là rừng trồng; thực hiện khai thác tia thưa, trồng thay thế dần các loài cây keo, bạch đàn, thông bằng các loài cây bản địa để tăng tính đa dạng sinh học cho rừng phòng hộ Sóc Sơn. Tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng và dịch vụ du lịch; xây dựng các cơ chế chính sách để người dân ngày càng được hưởng lợi từ tài nguyên rừng; xây dựng được nền lâm nghiệp phát triển bền vững, tạo việc làm, tăng thu nhập cho cán bộ quản lý cũng như chủ nhận khoán và người dân sống gần rừng thông qua tham gia các

hoạt động trồng rừng, khai thác lâm sản ngoài gỗ, khắc thác du lịch sinh thái và bảo vệ rừng với thu nhập bình quân đạt khoảng 8-9 triệu đồng/tháng.

Bảo đảm cho người dân sống gần rừng yên tâm đầu tư phát triển lâm nghiệp, lâm sản ngoài gỗ, du lịch sinh thái, đưa các hoạt động cung ứng dịch vụ môi trường rừng thành thể mạnh trong phát triển kinh tế của địa phương. Hạn chế, giảm tối đa các vi phạm pháp luật và bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích Ban quản lý.

Bảo đảm huy động mọi nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển bền vững 3.740ha rừng phòng hộ đã được phê duyệt cũng như diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng trên toàn thành phố Hà Nội mà Ban sắp tiếp nhận; giữ ổn định và phát triển bền vững diện tích rừng tự nhiên hiện có, thực hiện khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung nâng cao chất lượng rừng trồng...

Để hoàn thành các chỉ tiêu trên, Ban Quản lý rừng phòng hộ - đặc dụng Hà Nội sẽ tập trung triển khai đồng bộ nhiều nhiệm vụ, giải pháp. Trong đó, về phát triển rừng, Ban sẽ triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch hằng năm, cụ thể: Trồng rừng tập trung 100ha; khoán bảo vệ rừng hơn 3.740ha; hỗ trợ bảo vệ rừng hơn 3.740ha; chăm sóc rừng 100ha/năm; thi công các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng (hạ cấp vật liệu cháy) 100ha/năm.../.

**TX (Theo Cổng GTĐT Hà Nội)**

## TĂNG CƯỜNG TUẦN TRA, CANH GÁC, ĐẢM BẢO AN TOÀN ĐÊ ĐIỀU

Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội vừa ban hành Công văn về chủ động ứng phó với lũ lớn, tăng cường công tác tuần tra, canh gác, đảm bảo an toàn đê điều.

Theo đó, Sở Nông nghiệp & PTNT đề nghị UBND các quận, huyện, thị xã theo dõi chặt chẽ tình hình mưa, lũ, thông tin, tuyên truyền về việc xảy ra lũ lớn trên các tuyến sông; chủ động đảm bảo an toàn trong trường hợp có xả lũ trên hệ thống sông Đà, sông Hồng, sông Đuống; thông báo cho nhân dân ở những vùng thấp, trũng có khả năng bị ngập hoặc có nguy cơ bị sạt lở biết để chủ động phòng tránh; tăng cường kiểm tra, kiên quyết sơ tán nhân dân ở những khu vực có nguy cơ sạt lở, khu vực bãi giữa.

Tổ chức lực lượng và nghiêm túc thực hiện việc tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều theo đúng quy định; tăng cường kiểm tra đê, kè, cống, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố hư

hồng về đê điều. Kiểm tra, rà soát và triển khai trên thực tế phương án bảo vệ các trọng điểm đê điều xung yếu theo phương án 4 tại chỗ; chuẩn bị đầy đủ lực lượng, vật tư, phương tiện sẵn sàng đối phó với những tình huống xấu có thể xảy ra; duy trì lực lượng, phương tiện cứu hộ, cứu nạn để sẵn sàng ứng cứu khi cần thiết.

Yêu cầu chủ đầu tư các công trình đang thi công trên sông, ven sông, các chủ phương tiện vận tải thủy chủ động triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, phương tiện, thiết bị và công trình; rà soát, sẵn sàng phương án đảm bảo an toàn cho các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên sông, hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác khoáng sản, sản xuất nông nghiệp nơi bãi sông...; chủ động thu hoạch hoa màu ở những vùng bãi thấp, trũng có nguy cơ bị ngập lũ.

Kiểm tra chặt chẽ hoạt động của các đò

ngang, dò dục các phương tiện nổi trên sông để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện; cần thiết tạm ngừng hoạt động được đảm bảo an toàn.

Có phương án bảo vệ tài sản, kho tàng, hàng hóa của nhà nước và nhân dân ở những vùng có khả năng bị ảnh hưởng của lũ; di chuyển chất cháy, nổ, hóa chất độc hại ra khỏi vùng

bãi sông; đảm bảo an toàn về điện.

Tổ chức trực ban nghiêm túc 24/24 giờ, theo dõi chặt chẽ mọi thông tin về mưa, lũ để chủ động xử lý kịp thời các tình huống và tổng hợp báo cáo về Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai Thành phố./.

**NT (Theo Cổng GTĐT Hà Nội)**

## **PHÚC THỌ ĐÁP ỨNG ĐẦY ĐỦ CÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

UBND thành phố Hà Nội có Báo cáo số 240/BC-UBND, về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện Phúc Thọ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

Theo đó, đến hết năm 2018, huyện Phúc Thọ có 20/20 xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ 100% số xã. Về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM, huyện Phúc Thọ có 9/9 đều đạt theo quy định. Đáng nói, trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM, huyện Phúc Thọ hằng năm đã xây dựng kế hoạch cụ thể, cân đối nguồn vốn và các điều kiện để thực hiện, không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM.

Thời gian tới, huyện tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt, hoàn thiện các tiêu chí cơ bản đạt theo quy định, hướng dẫn mới của Trung ương và thành phố. Phần đầu năm 2020 có xã Tam Hiệp, Hát Môn đạt chuẩn xã NTM nâng cao.

Song song công tác tuyên truyền, huyện tiếp tục khai thác tốt nguồn thu, tập trung đầu tư quản lý sử dụng đất tại các xã; tăng cường quản lý chống thất thu. Tiết kiệm chi, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, đáp ứng các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đảm bảo cân đối nguồn vốn đầu tư, kiểm soát chặt chẽ, xác định rõ nguồn đối với các dự án, công trình mới khởi công. Tập trung vốn cho các công trình trọng điểm, dự án cấp thiết. Đầu tư tập trung, không dàn trải, không nợ đọng xây dựng cơ bản, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả

đầu tư. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát các công trình, dự án đầu tư.

Đồng thời, xây dựng cụm dân cư kiểu mẫu; xây dựng tiêu chí cụ thể để thực hiện mỗi xã có một điểm sáng trong xây dựng NTM. Tiếp tục thực hiện đề án môi trường giai đoạn 2016 - 2020, rà soát, cải tạo, kè ao hồ tạo cảnh quan môi trường, chống lấn chiếm, tăng cường kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; xử lý nghiêm các trường hợp đốt rác, đổ rác thải bừa bãi... Triển khai thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường; hướng dẫn hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định.

Huyện cũng sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác dạy nghề, đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm. Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo gắn với đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình về xóa đói giảm nghèo nhằm hạn chế tái nghèo, đảm bảo giảm nghèo bền vững. Tập trung thực hiện tốt chương trình quốc gia về y tế, truyền thông chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân. Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa, xây dựng làng văn hóa, cơ quan đơn vị văn hóa, gia đình văn hóa gắn với việc xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh.

Trên cơ sở thẩm tra, Phúc Thọ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để được công nhận huyện NTM./.

**TX (Theo Cổng GTĐT Hà Nội)**

## **CÔNG VIỆC NHÀ NÔNG THÁNG 9**

### **1. Cây trồng, bảo vệ thực vật**

- Thu hoạch lúa mùa trà sớm để tranh thủ đất trồng các cây rau màu vụ đông sớm. Thu hoạch đậu tương và lạc hè thu, chú ý phơi khô bảo quản đúng kỹ thuật để làm giống gieo trồng vụ đông.

- Chú ý phòng trừ sâu bệnh cuối vụ, đặc biệt chú ý sâu đục thân, rầy nâu và chuột gây hại trên trà lúa mùa muộn và trên diện tích cây các

giống lúa thơm, lúa đặc sản, nếp cái hoa vàng...

- Tranh thủ thời vụ để trồng đậu tương trên đất mùa sớm mới thu hoạch xong. Các giống đậu tương có thời gian sinh trưởng trung bình như: DT84, DT51, DT26,...gieo xong trước 30/9. Các giống ngắn ngày như: DT12, Đ8, ĐVN9 gieo đến 5/10.

- Trồng các giống ngô dài ngày trên đất bãi và đất lúa mùa sớm mới thu hoạch xong trước

25/9. Trên đất cấy lúa vụ mùa trồng các giống ngô trung ngày như: LVN9, NK4300, NK 6654... gieo xong trước 30/9 (Để tranh thủ thời vụ nên gieo ngô trong bầu trước khi trồng ra ruộng khoảng 1 tuần). Với các giống ngô ngắn ngày, ngô nếp gieo xong trước 5/10. Tăng tỷ lệ diện tích ngô quà và ngô phân khối để làm thức ăn chăn nuôi.

- Trồng lạc thu đông xong trước 25/9 bằng kỹ thuật che phủ nilon đúng kỹ thuật để đạt năng suất cao, các giống có năng suất cao như: L14, L23, MD9,...

- Thu hoạch cây ăn quả như: nhãn chín muộn, bưởi, na... cắt tia cành, chăm bón cho các vườn cây đã thu hoạch quả,... trồng cây ăn quả vụ thu, trồng các loại hoa theo thời gian sinh trưởng của từng giống.

- Tăng cường kiểm tra đồng ruộng, theo dõi sâu bệnh và tổ chức phòng trừ kịp thời. Chú ý bọ rầy, sâu đục thân, bệnh khô vằn, chuột hại lúa; bệnh xoắn lá, bệnh chết xanh, dòi đục lá, bọ phấn hại cà chua; sâu xanh, bọ nhày, bệnh lở cổ rễ hại rau họ hoa thập tự; dòi đục ngọn, bệnh lở cổ rễ hại đậu tư-ơng đông; sâu cắn lá, sâu keo mùa thu, bệnh huyết dụ hại ngô, sâu đục cành, nhện lông nhung hại nhãn vải; rầy chổng cánh, sâu đục cành, ruồi đục quả, bệnh loét, sẹo hại cây ăn quả có múi; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi, bệnh đốm lá hại chè; đốm lá, sâu đục nụ hại cây hoa hồng, hoa cúc.

## 2. Chăn nuôi thú y

- Tránh stress cho gia súc, gia cầm bằng các biện pháp tăng cường dinh dưỡng, vitamin, môi trường chuồng nuôi không thay đổi.

- Vệ sinh tiêu độc môi trường, đề phòng các bệnh dịch bùng phát.

- Tiêm phòng đại trà vắc xin đợt 2 trong năm cho đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt tiêm phòng

đầy đủ các loại vắc xin Cúm gia cầm, Lở mồm long móng gia súc, vắc xin dịch tả lợn.

- Tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng, bổ sung các loại vitamin, khoáng chất nhằm nâng cao sức đề kháng cho con vật. Đối với trâu, bò, nhất là bò sữa cần cân đối lượng thức ăn thô xanh và thức ăn tinh. Đối với lợn và gia cầm có thể bổ sung vào thức ăn, nước uống một số vitamin, khoáng chất, điện giải cho con vật ăn trực tiếp; đảm bảo vệ sinh chuồng trại, khi thời tiết thay đổi cần chú ý che chắn chuồng trại tránh mưa tạt, gió lùa.

- Chuẩn bị cho công tác Thống kê đàn gia súc, gia cầm thời điểm 01/10 theo quy định.

## 3. Thủy sản

- Tuyển chọn, phân đàn cá bố mẹ đưa vào nuôi xử lý gầy.

- Đẩy mạnh ương nuôi cá giống, cá thịt.

- Cho Ba ba sinh sản.

- Phòng bệnh đốm đỏ, bệnh xuất huyết,... cho đàn cá nuôi

## 4. Thủy lợi

Điều tiết nước mặt ruộng cho lúa mùa ở giai đoạn chuẩn bị thu hoạch, và làm đất cho cây vụ đông hợp lý trong tình hình mưa bão có thể bất thường xảy ra. Sẵn sàng ứng phó với các trận bão đổ bộ, các đợt áp thấp do ảnh hưởng của bão. Đảm bảo chế độ tuần tra canh phòng các công trình đê kè, hồ đập để phát hiện sớm các sự cố xảy ra trước các trận bão. Đề phòng sạt lở đê kè, khi có bão, lũ lớn hoặc trường hợp thực thi phương án phân lũ qua đập Đáy... Các sự cố về đê, kè cống, bờ kênh mương phải được tập trung cao nhất mọi lực lượng, phương tiện để xử lý ngay từ đầu, không để xảy ra tình trạng bị động trước thiên nhiên./.

TTKN

## CHUYÊN GIA GIẢI ĐÁP:

### TS. NGÔ VĂN HIỂN - NGUYÊN VIỆN TRƯỞNG VIỆN BTVT

**Câu hỏi:** Nhà tôi có trồng hoa cúc hè, cây sinh trưởng, phát triển tốt, đã ra nụ nhưng không nở được, nụ thâm đen. Xin chuyên gia cho biết cách khắc phục như thế nào để hoa nở được.

**Trả lời:** Hoa cúc trồng trong mùa hè nóng và khô thường bị nhiều loài nhện và nấm gây hại. Nhện đỏ hại trên lá, nụ hoa và cũng làm hoa không nở được. Cần chú ý che mát cho vườn cúc khi trời nắng và khô. Phát hiện sớm

và dùng thuốc trừ nhện như: Tasieu 1.9EC, Atamite 73 EC, Map Winer 5 WG...phun theo hướng dẫn trên bao bì. Nếu trời ẩm nụ hoa bị nấm Botrytis gây hại cũng làm nụ hoa bị thâm đen và không thể nở được. Những nụ hoa bị thâm đen này nếu để ẩm thấy các sợi nấm trắng mọc ra. Nếu nụ hoa bị nấm thì có thể dùng các loại thuốc trừ nấm như: Anvil 5 SC, Antracol 70 WP, Kacie 250 EC...phun với nồng độ hướng dẫn trên bao bì./.



# **GƯƠNG SẢN XUẤT ĐIỂN HÌNH:**

## **PHÚ XUYÊN ĐI ĐẦU TRONG CƠ GIỚI HÓA SẢN XUẤT LÚA**

Ứng dụng cơ giới hóa nông nghiệp được huyện Phú Xuyên chọn là một trong hai khâu đột phá trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Thực hiện chủ trương này, những năm qua, Phú Xuyên trở thành địa phương đi đầu toàn Thành phố về triển khai các chính sách hỗ trợ cơ giới hóa vào sản xuất. Chính vì thế, trong khi tỷ lệ cơ giới hóa khâu gieo, cấy toàn thành phố đang còn ở mức rất thấp thì trên địa bàn huyện Phú Xuyên có những xã trên 90% diện tích sản xuất lúa áp dụng mạ khay, cấy máy.

Vu xuân năm 2020, tổng diện tích sản xuất lúa toàn huyện đạt hơn 7.000 ha trong đó, diện tích cấy máy là đến 966 ha đạt 13,79%. Ngoài chính sách hỗ trợ của thành phố, từ nguồn ngân sách của huyện, xã, HTX, từ năm 2012 đến nay, huyện Phú Xuyên đã hỗ trợ khoảng 65 tỷ đồng cho đầu tư mua máy cấy và dây chuyền gieo mạ khay tự động và 20 tỷ đồng hỗ trợ diện tích cấy máy.

Về xã Nam Triều, huyện Phú Xuyên vào mùa vụ, một điểm khác biệt dễ nhận thấy đó là, ở đây nhà nhà sản xuất mạ khay. Hỏi bất cứ người dân nào nơi đây, họ đều trả lời rằng sản xuất mạ khay không có gì khó và dĩ nhiên cấy máy cho hiệu quả gấp nhiều lần so với cấy tay. Sau thành công của công tác dồn điền đổi thửa là điều kiện thuận lợi để các địa phương trên địa bàn Thành phố triển khai các mô hình cơ giới hóa vào sản xuất lúa. Không phải xã nào khi bắt tay đưa cơ giới hóa vào đồng ruộng cũng gặp thuận lợi, bởi để thay đổi phương thức canh tác vốn dĩ đã gắn liền với bà con nông dân từ lâu không phải là việc dễ thực hiện. Bởi thế, có đến gần 100% người dân đồng tình quan điểm đưa cơ giới hóa vào đồng ruộng như ở xã Nam Triều thật đáng ghi nhận.

Kết quả cho thấy, từ khi triển khai đưa cơ giới hóa vào sản xuất, tỷ lệ lúa cấy bằng máy của xã tăng theo từng năm và đến vụ Mùa năm 2020 này, trên 90% diện tích sản xuất lúa của xã được cấy bằng máy, những diện tích còn lại hầu hết là do ruộng không thể cấy được bằng máy. Điều này đã khẳng định nếu sản xuất mạ khay, cấy bằng máy không hiệu quả thì chắc chắn không có nhiều bà con nông dân xã Nam Triều áp dụng đến vậy.

Ông Nguyễn Hữu Phú – Phó GD HTX NN Phú Triều, xã Nam Triều, huyện Phú Xuyên cho biết: Việc áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất đã từng bước thay đổi nhận thức và tập quán canh tác của bà con nông dân nơi đây, cùng với đó đã giải quyết bài toán về diện tích ruộng mạ sau dồn điền đổi thửa. Chuẩn bị cho mùa vụ, xã viên HTX lại đăng ký mua giá thể với HTX sau đó tự sản xuất và chăm sóc mạ tại nhà. Bà con nông dân ở xã đều đã từng được tập huấn về kỹ thuật sản xuất mạ khay nên nắm rất rõ quy trình sản xuất. Mô hình này giải quyết được khó khăn về cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất mạ như: Kho bãi, nhà xưởng (chứa máy móc, giá thể) và diện tích đất tập kết khay mạ. Hiện trên địa bàn xã có 45 máy cấy phục vụ sản xuất cho bà con. Số máy cấy này đã

phần là của hộ dân hoặc nhóm hộ tự đầu tư.

Ngoài xã Nam Triều, thì hình thức sản xuất mạ khay tại nông hộ còn được thực hiện tại một số xã như: Văn Hoàng, Hoàng Long, Phúc Tiến, Nam Phong, Nam Tiến,... của huyện Phú Xuyên. Ngoài hình thức sản xuất mạ tại nông hộ, nhiều hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện Phú Xuyên cũng làm rất tốt dịch vụ cung cấp mạ khay, cấy máy cho bà con. Đơn cử như HTX Nông nghiệp Phú Thăng, xã Đại Thăng.

Đầu năm 2012, khi Hợp tác xã nông nghiệp Phú Thăng đưa các loại máy vào phục vụ sản xuất nông nghiệp, một số người dân trên địa bàn còn nghi ngờ tính hiệu quả. Tuy nhiên, sau một thời gian đưa 2 máy làm đất và 2 máy cấy vào sản xuất, người dân đã chứng kiến hiệu quả tích cực từ việc ứng dụng cơ giới hóa vào nông nghiệp. Từ đó, người dân bắt đầu thay đổi cách nghĩ, cách làm, sẵn sàng đưa cơ giới vào đồng ruộng. Đến nay, trên địa bàn xã đã có 10 máy cấy, 7 máy làm đất và 18.000 khay nhựa làm mạ, 1 giàn gieo hạt liên hoàn 800 khay/giờ, một xưởng sản xuất giá thể trên 600 m<sup>2</sup> để phục vụ sản xuất cho hơn 30% diện tích của hơn 300ha đất nông nghiệp. Giám đốc Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Thăng, ông Nguyễn Văn Mạnh cho biết: Qua đối so sánh, vụ xuân năm 2020 vừa qua, cho thấy khâu gieo mạ khay, cấy máy giúp giảm chi phí tới 4,1 triệu đồng/ha so với cấy lúa bằng tay. Đặc biệt, hợp tác xã đã làm chủ kỹ thuật từ khâu sản xuất giá thể, gieo mạ và cấy máy nên được nông dân rất tin tưởng, ủng hộ.

Riêng khâu gieo cấy, từ năm 2012, huyện Phú Xuyên đã xây dựng Đề án về cơ giới hóa khâu gieo cấy trong nông nghiệp giai đoạn 2012 – 2015. Đề án tiếp tục được thực hiện giai đoạn 2016 -2020. Để khuyến khích, thúc đẩy người dân đầu tư mua máy cấy và dây chuyền gieo mạ khay tự động, ngoài chính sách của thành phố hỗ trợ 50% giá trị một máy (tối đa không quá 75 triệu đồng), huyện Phú Xuyên còn hỗ trợ thêm 10% giá trị/máy (từ nguồn ngân sách của huyện) và 15% giá trị/máy (từ nguồn ngân sách xã, HTX). Bên cạnh đó, huyện Phú Xuyên còn có chính sách hỗ trợ diện tích cấy máy. Từ 2014 đến nay, huyện áp dụng chính sách hỗ trợ từ 50.000 – 70.000 đồng/sào đối với diện tích cấy máy hoặc 50%-80% kinh phí mua giá thể. Nhờ đó, diện tích cấy máy trên địa bàn huyện Phú Xuyên ngày càng được mở rộng, hiện đạt trên 13%.

Việc đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp giúp cho huyện Phú Xuyên quy hoạch được vùng sản xuất, quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng; từng bước hình thành các vùng sản xuất lúa hàng hóa tập trung, chất lượng cao của huyện. Góp phần quan trọng vào sự phát triển và lớn mạnh không ngừng của Chương trình sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao Hà Nội./.

**Lưu Phương**

**Đối với mặt hàng lương thực:** Trên thị trường giá bán lẻ các mặt hàng lương thực nội chung đang tiếp tục duy trì ổn định. Tại các chợ của Hà Nội giá bán lẻ các mặt hàng gạo phổ biến như sau: Gạo tằm Thái có giá từ 19.000 – 23.000 đ/kg, gạo Điện Biên, Hải Hậu dao động từ 17.000 – 18.000 đ/kg, gạo Xi dẻo phổ biến từ 13.000 – 14.000 đ/kg, gạo nếp cái hoa vàng có giá từ 28.000 - 33.000 đ/kg. Bên cạnh đó giá bán các mặt hàng đậu đỗ cũng dao động như sau: Đậu xanh vỏ giá từ 45.000 - 48.000 đ/kg, đậu đen tăng nhẹ lên mức từ 57.000 – 60.000 đ/kg, đậu đỏ có giá từ 60.000 – 65.000 đ/kg, lạc nhân vụn dao động quanh mức từ 55.000 - 60.000 đ/kg.

**Đối với các mặt hàng thực phẩm:** Sau một thời gian các trang trại chăn nuôi ở nhiều địa phương nỗ lực tái đàn lợn, đến nay nhiều nơi đã tái đàn được khoảng 80% so với tổng đàn thời điểm trước dịch nên đã có tác động tích cực làm hạ nhiệt giá lợn hơi trên thị trường. Theo nhận định của các chuyên gia hiện nay “Nguồn cung thịt lợn về cơ bản đã tạm ổn, nhờ vậy giá lợn hơi gần đây tương đối ổn định và có chiều hướng giảm”. Trên thị trường, lợn hơi xuất chuồng đang có giá dao động từ 80.000 – 82.000 đ/kg, giá bán lẻ mặt hàng thịt lợn tại các chợ cũng có chiều hướng giảm nhẹ. Thịt mông sẵn dao động từ 140.000 – 150.000 đ/kg, thịt ba chỉ giá 160.000 – 170.000 đ/kg, xương sườn có giá từ 170.000 – 180.000 đ/kg. Đối với các mặt hàng gia cầm giá bán lẻ trong tuần qua giữ ổn định, gà ta hơi giá vẫn dao động từ 100.000 – 120.000 đ/kg, vịt nguyên con làm sẵn có giá 70.000- 75.000 đ/kg, Giá các mặt hàng trứng đã tăng trung bình từ 500-800 đ/quả (tùy loại) cụ thể: Trứng gà ta có giá từ 35.000 – 40.000 đ/

chục, trứng gà đỏ có giá từ 24.000 – 26.000 đ/chục, trứng vịt giá từ 25.000 – 30.000 đ/chục, nguyên nhân của việc tăng giá này là do các cơ sở đã đẩy mạnh việc thu mua trứng làm nguyên liệu cho sản xuất bánh trung thu. Vì nhu cầu tăng đột biến khiến giá bán cũng được đẩy lên cao. Bên cạnh đó giá bán các mặt hàng thủy, hải sản tuần qua vẫn giữ ổn định.

**Đối với các mặt hàng rau, củ, quả:** Tuần qua, giá bán lẻ các mặt hàng rau xanh tại các chợ duy trì ổn định. Rau cải mớ, cải ngọt có giá từ 20.000 – 25.000 đ/kg, Rau muống có giá 4.000 – 5.000 đ/mớ, rau ngót giá 5.000 – 6.000 đ/mớ, cà chua có giá từ 18.000 – 20.000 đ/kg, bí đao giá từ 13.000 – 16.000 đ/kg, ... Thị trường trái đang rất phong phú với nhiều loại trái cây của cả 2 miền và giá bán cũng ổn định như sau: Dưa hấu có giá từ 15.000 – 18.000 đ/kg, quýt Sài Gòn giá 45.000 – 50.000 đ/kg, nhãn giá từ 25.000 – 30.000 đ/kg, na đang chính vụ thu hoạch nên giá bán cũng giảm nhanh so với tuần trước dao động từ 30.000 – 35.000 đ/kg,...

**Về vật tư nông nghiệp:** Nhiều diện tích lúa mùa đã trở bông, nhu cầu sử dụng phân bón cho chăm sóc cây trồng cũng giảm cho nên giá bán lẻ các mặt hàng phân bón tại các đại lý cũng được duy trì ổn định như sau: Đạm urê ngoại có giá từ 8.500 – 9.500 đ/kg, NPK Văn Điển 5.10.3 giá bán 4.200 – 4.700 đ/kg, Kali giá 9.000 - 10.000 đ/kg; lân Văn Điển có giá 3.800 đ/kg./.

NB (TH)

## \* Thị trường thế giới

### LẦN ĐẦU GẠO THƯƠNG HIỆU VIỆT ĐƯỢC XUẤT CHÍNH NGẠCH SANG ÚC

Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed, HoSE: NSC), thành viên của Tập đoàn PAN (HoSE: PAN), cho biết sẽ tiến hành xuất khẩu gạo trắng Ban Mai và gạo lứt Phúc Thọ sang thị trường Australia trong tuần này. Đây là lần đầu tiên sản phẩm gạo mang thương hiệu Việt Nam được xuất khẩu chính ngạch vào thị trường Australia.

Trước đó, Vinaseed đã xuất khẩu sản phẩm gạo VJ Pearl Rice, gạo thơm RVT sang Hà Lan và Cộng hòa Czech với giá 1.040 USD/tấn vào tháng trước. Hai sản phẩm gạo đều được sử dụng giống bản quyền, gieo trồng, thu hoạch và chế biến tại Việt Nam, đáp ứng tiêu chuẩn về nguồn gốc xuất xứ và chuỗi giá trị.

Ông Nguyễn Quang Trường, Tổng giám đốc Vinaseed cho biết “Nhằm tận dụng cơ hội xuất khẩu gạo từ EVFTA, Vinaseed đã phát triển vùng nguyên liệu bền vững, đáp ứng tiêu chuẩn VietGap và xây dựng nhà máy chế biến gạo hiện đại, đồng bộ ngay từ khi hiệp định vẫn đang trong quá trình đàm phán”.

Theo đó, toàn bộ sản phẩm gạo của doanh nghiệp đều đạt Tiêu chuẩn hệ thống thực phẩm an toàn (FSSC 22.000) của Hà Lan và được chứng nhận bởi tổ chức độc lập uy tín của Anh Bureau Veritas từ 23/7. FSSC 22.000 là sự kết hợp hai chứng chỉ ISO 22000 và PAS 220; đảm bảo kiểm soát an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung ứng gồm nông trại, bao bì, vật liệu bao gói, bảo quản phân phối, nhà sản xuất và nhà phân phối.

Việc EVFTA đi vào thực thi từ 1/8, thuế suất xuất khẩu gạo về 0%, Vinaseed đặt mục tiêu xuất khẩu sang EU đạt 5.000 tấn gạo trong năm nay, cao hơn 2,5 lần về sản lượng so với năm ngoái.

Việc xuất khẩu gạo mang thương hiệu Việt Nam vào EU không chỉ là thành công bước đầu của Vinaseed mà còn đánh dấu sản phẩm gạo Việt được ghi danh trên thị trường quốc tế. Qua đó, cho thấy nỗ lực nâng tầm nền nông nghiệp – thực phẩm Việt Nam của Tập đoàn PAN trên hành trình thực hiện sứ mệnh “sinh ra nuôi dưỡng thế giới”./.

TX (Theo Vinanet.vn)

# GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

## GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN - VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

(ĐVT: đ/kg)

| TT  | Mặt hàng và quy cách | Loại   | Chợ Yên Mê Linh | Chợ Hà Đông | Chợ Nghệ Sơn Tây | Chợ Vân Đình Ứng Hoà | Chợ Phùng Đan Phượng | Chợ Vôi Thường Tín | Chợ Cầu Diễn Từ Liêm | Chợ Ngọc Lâm Long Biên | Chợ Tô Đông Anh | Chợ Tả Thanh Oai Thanh Trì |
|---|----------------------|--------|-----------------|-------------|------------------|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|------------------------|-----------------|----------------------------|
| <b>I GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MỖI THÀNH PHỐ HÀ NỘI</b>     |                      |        |                 |             |                  |                      |                      |                    |                      |                        |                 |                            |
| 1   | Lúa Khang Dân        | loại 1 | 7.500           | 7.000       | 7.000            | 7.000                | 8.000                | 7.000              | 8.000                | 9.000                  | 7.500           | 8.000                      |
| 2   | Gạo Khang Dân        | loại 1 | 12.000          | 12.500      | 11.000           | 11.500               | 12.500               | 10.500             | 12.000               | 12.000                 | 12.500          | 12.000                     |
| 3   | Gạo bắc thơm         | loại 1 | 16.000          | 16.000      | 15.000           | 16.000               | 15.000               | 15.000             | 16.000               | 15.000                 | 15.500          | 15.500                     |
| 4   | Gạo Xi 23            | loại 1 | 13.000          | 12.500      | 13.000           |                      | 13.000               | 11.500             | 14.000               | 12.000                 | 13.000          | 13.000                     |
| 5   | Gạo Điện Biên        | loại 1 | 16.000          | 18.000      | 17.000           | 17.500               | 17.000               | 15.000             | 17.000               | 18.000                 | 17.000          | 17.000                     |
| 6   | Gạo Hải Hậu          | loại 1 | 18.000          | 18.500      | 16.000           | 18.000               | 20.000               | 15.000             | 17.000               | 15.000                 | 18.000          | 17.000                     |
| 7   | Gạo tám Thái         | loại 1 | 20.000          | 20.000      | 19.000           | 20.000               | 20.000               | 17.000             | 18.000               | 18.000                 | 20.000          | 19.000                     |
| 8   | Gạo nếp cái hoa vàng | loại 1 | 27.000          | 26.000      | 26.000           | 25.000               | 27.000               | 22.000             |                      | 26.000                 |                 | 26.000                     |
| 9   | Gạo nếp cẩm          | loại 1 |                 | 30.000      | 30.000           | 29.000               | 38.000               | 32.000             | 38.000               | 30.000                 | 32.000          | 30.000                     |
| 10  | Đậu tương            | loại 1 |                 | 28.000      | 25.000           | 27.000               | 25.000               |                    | 30.000               | 30.000                 | 30.000          | 25.000                     |
| 11  | Đậu xanh có vỏ       | loại 1 | 45.000          | 45.000      | 60.000           | 46.000               | 40.000               | 43.000             | 50.000               | 25.000                 | 42.000          | 45.000                     |
| 12  | Lạc nhân             | loại 1 | 55.000          | 55.000      | 60.000           | 60.000               | 50.000               | 55.000             | 60.000               | 50.000                 | 50.000          | 55.000                     |
| 13  | Đậu đen              | loại 1 | 56.000          | 50.000      | 58.000           | 50.000               | 55.000               | 55.000             | 60.000               | 55.000                 |                 | 50.000                     |
| 14  | Ngô hạt              |        | 6.800           |             | 7.000            | 6.500                | 6.700                | 6.800              | 8.000                |                        | 6.800           | 7.000                      |
| <b>II GIÁ CÁC MẶT HÀNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI</b> |                      |        |                 |             |                  |                      |                      |                    |                      |                        |                 |                            |
|   | Mặt hàng và quy cách | Loại   | Mê Linh         | Hà Đông     | Sơn Tây          | Ứng Hoà              | Đan Phượng           | Thường Tín         | Từ Liêm              | Long Biên              | Đông Anh        | Thanh Trì                  |
| 1   | Đạm urê ngoại        | Loại 1 | 8.000           | 8.500       | 8.200            | 8.500                | 8.000                | 9.000              | 9.000                | 9.000                  | 8.500           | 9.000                      |
| 2   | NPK 5.10.3 Văn Điển  | Loại 1 | 4.800           | 5.000       | 4.800            | 4.200                | 4.000                | 4.300              | 5.000                | 5.000                  | 4.500           | 4.500                      |
| 3   | Kali                 | Loại 1 | 10.000          | 9.000       | 8.700            | 9.000                | 8.500                | 9.000              | 9.500                |                        | 9.000           | 9.500                      |
| 4   | Lân Văn Điển         | Loại 1 | 3.500           | 4.000       | 3.500            | 3.800                | 3.100                | 3.300              | 4.000                |                        | 3.800           | 3.500                      |



# GIÁ CÁC MẶT HÀNG THỰC PHẨM TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MŨI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

(ĐVT: đ/kg)

| TT | Mặt hàng và quy cách     | Loại   | Chợ Yên Mê Linh | Chợ Hà Đông | Chợ Nghệ Sơn Tây | Chợ Vân Đình Ứng Hoà | Chợ Phùng Đan Phượng | Chợ Vôi Thường Tín | Chợ Cầu Diễn Từ Liêm | Chợ Ngọc Lâm Long Biên | Chợ Tó Đông Anh | Chợ Tả Thanh Trì |
|----|--------------------------|--------|-----------------|-------------|------------------|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|------------------------|-----------------|------------------|
| 1  | Thịt lợn móng sẵn        | loại 1 | 145.000         | 155.000     | 140.000          | 140.000              | 150.000              | 135.000            | 130.000              | 150.000                | 150.000         | 150.000          |
| 2  | Thịt lợn nạc thăn        | loại 1 | 165.000         | 165.000     | 160.000          | 160.000              | 170.000              | 155.000            | 140.000              | 150.000                | 150.000         | 160.000          |
| 3  | Thịt lợn ba chỉ          | loại 1 | 170.000         | 170.000     | 150.000          | 160.000              | 170.000              | 155.000            | 150.000              | 160.000                | 160.000         | 160.000          |
| 4  | Thịt bò thăn             | loại 1 | 280.000         | 280.000     | 260.000          | 260.000              | 260.000              | 250.000            | 270.000              | 260.000                | 250.000         | 260.000          |
| 5  | Thịt bò móng             | loại 1 | 260.000         | 250.000     | 250.000          | 250.000              | 260.000              | 240.000            | 260.000              | 250.000                |                 | 240.000          |
| 6  | Gà ta hơi                | loại 1 | 110.000         | 110.000     | 100.000          | 82.000               | 100.000              | 100.000            | 130.000              | 120.000                | 150.000         | 110.000          |
| 7  | Gà ta nguyên con làm sẵn | loại 1 | 130.000         | 120.000     | 130.000          | 120.000              | 150.000              | 150.000            | 170.000              | 150.000                | 150.000         | 140.000          |
| 8  | Gà công nghiệp hơi       | loại 1 | 42.000          | 40.000      | 40.000           | 40.000               | 40.000               | 40.000             | 45.000               |                        |                 | 45.000           |
| 9  | Gà CN nguyên con làm sẵn | loại 1 | 60.000          | 60.000      | 70.000           | 60.000               | 70.000               | 65.000             | 70.000               | 70.000                 | 60.000          | 70.000           |
| 10 | Vịt hơi                  | loại 1 | 48.000          | 45.000      | 40.000           |                      | 48.000               | 45.000             |                      | 50.000                 |                 | 50.000           |
| 11 | Vịt nguyên con làm sẵn   | loại 1 | 75.000          | 70.000      |                  | 60.000               | 75.000               | 70.000             | 85.000               | 75.000                 | 75.000          | 75.000           |
| 12 | Ngan hơi                 | loại 1 | 50.000          | 55.000      | 50.000           | 55.000               | 58.000               |                    |                      | 65.000                 | 60.000          | 65.000           |
| 13 | Ngan nguyên con làm sẵn  | loại 1 | 80.000          | 75.000      | 75.000           | 75.000               | 85.000               | 80.000             |                      | 80.000                 | 80.000          | 90.000           |
| 14 | Cá chép > 1kg            | loại 1 | 60.000          | 60.000      | 55.000           | 50.000               | 65.000               | 55.000             | 75.000               | 80.000                 |                 | 60.000           |
| 15 | Cá trắm > 2kg            | loại 1 | 75.000          | 65.000      | 60.000           | 55.000               | 70.000               | 60.000             | 80.000               | 80.000                 | 70.000          | 75.000           |
| 16 | Cá quả                   | loại 1 | 100.000         | 120.000     |                  | 120.000              | 110.000              | 110.000            | 130.000              | 110.000                | 100.000         | 110.000          |
| 17 | Ngao                     | loại 1 | 18.000          | 20.000      | 18.000           | 18.000               | 20.000               | 17.000             | 20.000               | 20.000                 | 20.000          | 22.000           |
| 18 | Tôm sú                   | loại 1 |                 | 480.000     | 550.000          | 350.000              | 500.000              | 360.000            | 450.000              | 400.000                | 400.000         | 450.000          |
| 19 | Cua đồng                 | loại 1 | 200.000         | 200.000     | 150.000          | 200.000              | 160.000              | 150.000            | 200.000              | 150.000                | 200.000         | 180.000          |

# GIÁ CÁC MẶT HÀNG HOA, RAU, CÚ, QUẢ TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MŨI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

(ĐVT: đ/kg)

| TT | Mặt hàng và quy cách | Loại   | Chợ Yên Mê Linh | Chợ Hà Đông | Chợ Nghệ Sơn Tây | Chợ Vân Đình Ứng Hoà | Chợ Phùng Đan Phượng | Chợ Vôi Thường Tín | Chợ Cầu Diễn Từ Liêm | Chợ Ngọc Lâm Long Biên | Chợ Tô Đông Anh | Chợ Tạ Thanh Oai Thanh Trì |
|----|----------------------|--------|-----------------|-------------|------------------|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|------------------------|-----------------|----------------------------|
| 1  | Cam sành             | loại 1 | 40.000          | 55.000      | 40.000           | 40.000               | 50.000               | 40.000             | 40.000               | 40.000                 | 45.000          | 50.000                     |
| 2  | Dưa hấu Miền Nam     | loại 1 | 15.000          | 18.000      | 16.000           |                      | 18.000               | 16.000             | 20.000               | 14.000                 | 20.000          | 18.000                     |
| 3  | Nhãn                 | loại 1 | 25.000          | 30.000      | 30.000           | 25.000               | 30.000               | 25.000             | 35.000               | 30.000                 | 30.000          | 30.000                     |
| 4  | Na                   | loại 1 | 35.000          | 40.000      | 40.000           | 35.000               | 40.000               | 30.000             | 35.000               | 30.000                 |                 | 35.000                     |
| 5  | Dứa (quả)            | loại 1 | 12.000          | 15.000      | 10.000           | 8.000                | 7.000                | 8.000              | 15.000               | 10.000                 | 9.000           | 9.000                      |
| 6  | Chôm chôm            | loại 1 | 30.000          | 40.000      | 30.000           | 30.000               | 35.000               | 30.000             | 40.000               | 35.000                 |                 | 30.000                     |
| 7  | Quýt Sài Gòn         | loại 1 | 50.000          | 60.000      | 50.000           | 50.000               |                      | 45.000             | 65.000               | 50.000                 | 55.000          | 50.000                     |
| 8  | Bưởi năm roi (quả)   | Loại 1 | 45.000          | 45.000      |                  | 40.000               | 45.000               |                    | 45.000               | 40.000                 |                 | 45.000                     |
| 9  | Chanh leo            | loại 1 | 25.000          | 30.000      | 30.000           |                      | 25.000               |                    | 30.000               | 26.000                 | 25.000          | 28.000                     |
| 10 | Lựu                  | Loại 1 | 25.000          | 30.000      | 30.000           | 25.000               |                      | 25.000             | 30.000               | 25.000                 |                 | 30.000                     |
| 11 | Cà chua              | loại 1 | 18.000          | 18.000      | 20.000           | 20.000               | 20.000               | 20.000             | 20.000               | 20.000                 | 17.000          | 20.000                     |
| 12 | Bí đao               | loại 1 | 15.000          | 16.000      | 15.000           | 15.000               | 14.000               | 14.000             | 15.000               | 15.000                 | 15.000          | 15.000                     |
| 13 | Khoai tây            | loại 1 | 14.000          | 15.000      | 15.000           | 20.000               | 15.000               | 14.000             | 15.000               | 15.000                 | 15.000          | 16.000                     |
| 14 | Rau cải ngọt         | loại 1 | 18.000          | 20.000      |                  | 18.000               | 17.000               | 17.000             | 20.000               | 20.000                 | 16.000          | 18.000                     |
| 15 | Rau mùng tơi (mớ)    | loại 1 | 5.000           | 5.000       | 4.000            | 5.000                | 4.000                | 4.000              | 5.000                |                        | 4.000           | 5.000                      |
| 16 | Rau ngót (mớ)        | loại 1 | 4.000           | 5.000       | 4.000            | 5.000                | 5.000                | 4.000              | 6.000                | 4.000                  | 5.000           | 5.000                      |
| 17 | Dưa chuột            | loại 1 | 15.000          | 18.000      | 15.000           | 15.000               | 15.000               | 15.000             | 18.000               | 15.000                 | 15.000          | 15.000                     |
| 18 | Rau cải mớ (mớ)      | loại 1 |                 | 6.000       | 5.000            | 6.000                | 6.000                | 5.000              | 7.000                |                        | 6.000           | 7.000                      |
| 19 | Rau muống (mớ)       | loại 1 | 4.000           | 5.000       | 4.000            | 4.000                | 4.000                | 5.000              | 5.000                | 4.000                  | 4.000           | 4.000                      |
| 20 | Hoa hồng đỏ (bông)   | loại 1 | 3.000           | 4.000       | 5.000            | 4.000                | 4.000                | 4.000              | 5.000                | 4.000                  | 4.000           | 6.000                      |
| 21 | Hoa ly hồng (cành)   | loại 1 | 27.000          | 30.000      | 28.000           | 28.000               | 30.000               | 30.000             | 30.000               | 27.000                 | 30.000          | 30.000                     |
| 22 | Hoa cúc vàng (bông)  | loại 1 | 5.000           | 7.000       | 6.000            | 6.000                | 6.000                | 5.000              | 6.000                | 6.000                  | 5.000           | 6.000                      |

**GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN, THỰC PHẨM  
TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN BẮC**  
*Ngày 28 tháng 8 năm 2020*

(ĐVT: đ/kg)

| STT | Mặt hàng và quy cách    | Loại   | Lào Cai | Bắc Giang | Hải Phòng |
|-----|-------------------------|--------|---------|-----------|-----------|
| 1   | Thóc tẻ (KD, Q5)        | loại 1 | 7.800   | 7.500     | 7.500     |
| 2   | Gạo Xi 23               | loại 1 | 12.000  | 11.500    | 12.000    |
| 3   | Đậu tương               | loại 1 | 25.000  | 22.000    | 25.000    |
| 4   | Đậu xanh tách vỏ        | loại 1 | 55.000  | 55.000    | 52.000    |
| 5   | Lạc nhân                | loại 1 | 50.000  | 50.000    | 50.000    |
| 6   | Miến dong               | loại 1 | 70.000  | 70.000    | 70.000    |
| 7   | Thịt lợn hơi            | loại 1 | 80.000  | 79.000    | 81.000    |
| 8   | Thịt mông sẵn           | loại 1 | 150.000 | 150.000   | 150.000   |
| 9   | Gà Tam hoàng hơi        | loại 1 | 70.000  | 70.000    | 70.000    |
| 10  | Gà ta hơi               | loại 1 | 110.000 | 95.000    | 95.000    |
| 11  | Gà Ai cập hơi           | loại 1 | 68.000  | 68.000    | 67.000    |
| 12  | Vịt hơi                 | loại 1 | 50.000  | 46.000    | 47.000    |
| 13  | Thịt bò thăn            | loại 1 | 250.000 | 270.000   | 270.000   |
| 14  | Trứng gà ta (quả)       | loại 1 | 4.000   | 3.500     | 3.500     |
| 15  | Trứng chim cút (10 quả) | loại 1 | 7.000   | 7.000     | 7.000     |
| 16  | Tôm sú                  | loại 1 | 520.000 | 500.000   | 500.000   |
| 17  | Cá quả                  | loại 1 | 100.000 | 100.000   | 100.000   |



# GIÁ CÁC MẶT HÀNG RAU, CỦ, QUẢ TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN BẮC

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

(ĐVT: đ/kg)

| STT | Mặt hàng và quy cách | Loại   | Lào Cai | Bắc Giang | Hải Phòng |
|-----|----------------------|--------|---------|-----------|-----------|
| 1   | Dưa hấu Miền Nam     | loại 1 | 20.000  | 18.000    | 20.000    |
| 2   | Nhãn                 | loại 1 | 25.000  | 25.000    | 25.000    |
| 3   | Cam sành             | loại 1 | 40.000  | 40.000    | 40.000    |
| 4   | Lê                   | loại 1 | 30.000  | 30.000    | 30.000    |
| 5   | Nho xanh             | loại 1 | 80.000  | 75.000    | 75.000    |
| 6   | Cà rốt               | loại 1 | 15.000  | 15.000    | 15.000    |
| 7   | Hành tây             | loại 1 | 15.000  | 15.000    | 15.000    |
| 8   | Khoai tây            | loại 1 | 14.000  | 14.000    | 13.000    |
| 9   | Cà chua              | loại 1 | 20.000  | 18.000    | 18.000    |
| 10  | Mướp hương           | loại 1 | 15.000  | 12.000    | 12.000    |
| 11  | Chanh (quả tươi)     | loại 1 | 20.000  | 20.000    | 20.000    |
| 12  | Tỏi ta khô           | loại 1 | 70.000  | 65.000    | 65.000    |
| 13  | Dưa chuột            | loại 1 | 15.000  | 15.000    | 15.000    |
| 14  | Rau cải mớ (mớ)      | loại 1 | 5.000   | 5.000     | 5.000     |
| 15  | Hành củ ta khô       | loại 1 | 70.000  | 70.000    | 70.000    |
| 16  | Đậu cô ve            | loại 1 | 15.000  | 15.000    | 16.000    |

## DỰ BÁO

### NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện   | Địa chỉ  | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh   |
|----|---|--|---|
| 1  | Công ty CP Thương mại chế biến thực phẩm sạch Từ Tâm<br>Đại diện:<br>Đình Thị Hải Yến | Số 29/358<br>Bùi Xương Trạch,<br>phường Khương Đình,<br>quận Thanh Xuân,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0911.971.976 | Chuyên cung cấp giò, pate, thịt chưng mắm tép, ruốc tôm bê bề, nem hải sản, chả cá thu, chả cốm... Sản phẩm đã được cấp chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. |
| 2  | Công ty CP công nghệ thực phẩm Vinh Anh<br>Đại diện:<br>Đào Quang Vinh                | Cụm công nghiệp<br>Hà Bình Phương,<br>xã Văn Bình,<br>huyện Thường Tín,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0243.376.4006 | Chuyên cung cấp thịt lợn tươi, giò, chả, xúc xích... Sản phẩm đã được cấp chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.   |
| 3  | Cơ sở chế biến thực phẩm<br>Hội Thương<br>Đại diện:<br>Nguyễn Doãn Hợp                | Xóm 6,<br>thôn Thụy Khuê,<br>xã Sài Sơn,<br>huyện Quốc Oai,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0988.001.261              | Chuyên cung cấp giò, chả, nem, xúc xích... Sản phẩm đã được cấp chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.   |
| 4  | Trại giun quế GHT<br>Đại diện:<br>Nguyễn Thị Liên                                     | Xã Phú Cường,<br>huyện Sóc Sơn,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0912.142.468  | Chuyên cung cấp thịt lợn, thịt gà, xúc xích... Sản phẩm đã được cấp chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.   |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện   | Địa chỉ   | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh   |
|----|---|---|---|
| 1  | HTX Sản xuất và dịch vụ nông nghiệp Thanh Hà<br>Đại diện:<br>Bùi Thị Thanh Hà                       | Xã Ninh Sở,<br>huyện Thường Tín,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0984.920.986                          | Chuyên cung cấp rau mầm các loại. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP.                      |
| 2  | Công ty cổ phần KMS đầu tư sản xuất và thương mại<br>Đại diện:<br>Triệu Quang Trung                 | Thôn Thanh Sơn, xã Minh Phú,<br>huyện Sóc Sơn,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0975.311.846            | Chuyên cung cấp nấm tươi các loại. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP.                     |
| 3  | HTX Rau quả sạch Chúc Sơn<br>Đại diện:<br>Hoàng Văn Khảm  | Thôn Giáp Ngọ,<br>thị trấn Chúc Sơn,<br>huyện Chương Mỹ,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0248.588.7868 | Chuyên cung cấp nấm tươi các loại. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP.                     |
| 4  | Công ty cổ phần xây dựng và phát triển thương mại Minh Phương<br>Đại diện:<br>Nguyễn Thị Lan Phương | Thị trấn Thường Tín,<br>huyện Thường Tín,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0977.774.882                 | Chuyên cung cấp nấm tươi các loại. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. |



## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện   | Địa chỉ   | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh   |
|----|---|---|---|
| 1  | Công ty TNHH<br>Đầu tư Quốc tế<br>Chính Đạt<br>Đại diện:<br>Trương Thị Hiền                         | Số 10, ngách 293/47,<br>tổ 9, đường Ngọc Thụy,<br>phường Ngọc Thụy,<br>quận Long Biên, Hà Nội<br>ĐT:0243.880.0449 | Chuyên cung cấp máy nông nghiệp kubota phục vụ khu vực Hà Nội và các tỉnh, thành trong cả nước.                           |
| 2  | Công ty TNHH<br>Thương mại &<br>Xuất nhập khẩu<br>Hải Sơn<br>Đại diện:<br>Đình Văn Sơn              | Khối 5, xã Phù Lỗ,<br>huyện Sóc Sơn, Hà Nội<br>ĐT:0243.884.3311   | Chuyên cung cấp máy nông nghiệp kubota phục vụ khu vực Hà Nội và các tỉnh, thành trong cả nước.                           |
| 3  | Công ty cổ phần<br>đầu tư thương mại<br>và Phát triển<br>nông nghiệp ADI<br>Đại diện:<br>Lê Thị Vân | Số 2, ngõ 192,<br>phố Đại Từ,<br>phường Đại Kim,<br>quận Hoàng Mai, Hà Nội<br>ĐT:0243.540.0598                    | Chuyên cung cấp giống, phân bón, thuốc BVTV phục vụ khu vực Hà Nội và các tỉnh, thành trong cả nước.                      |
| 4  | Công ty cổ phần<br>Công nghệ tưới<br>Tô Gia<br>Đại diện:<br>Tô Thanh Bình                           | Số 11B, tổ 7A,<br>phường Phúc Diễn,<br>quận Bắc Từ Liêm,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0243.793.2466                           | Chuyên cung cấp thiết bị, vật tư, phụ tùng lắp đặt hệ thống tưới phục vụ khu vực Hà Nội và các tỉnh, thành trong cả nước. |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện   | Địa chỉ  | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh  |
|----|---|--|--|
| 1  | Trang trại chăn<br>nuôi lợn<br>Đại diện:<br>Nguyễn Văn Việt       | Cụm 6, xã Hồng Hà,<br>huyện Đan Phượng,<br>Hà Nội ĐT:<br>0392.658.091                | Chuyên bán lợn thịt, lợn giống phục vụ<br>khu vực huyện Đan Phượng và một số<br>khu vực lân cận.       |
| 2  | Trang trại chăn<br>nuôi lợn<br>Đại diện:<br>Trần Nho Quý          | Thôn 5, xã Trung Châu,<br>huyện Đan Phượng,<br>Hà Nội ĐT:<br>0837.020.133            | Chuyên bán lợn thịt, lợn giống phục vụ<br>khu vực huyện Đan Phượng và một số<br>khu vực lân cận.       |
| 3  | Trang trại nuôi<br>trồng thủy sản<br>Đại diện:<br>Dương Xuân Mạnh | Thôn Đổ Hà,<br>xã Khánh Hà,<br>huyện Thường Tín,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0988.839.345       | Chuyên bán cá giống các loại phục vụ khu<br>vực huyện Thường Tín và một số khu vực<br>lân cận.         |
| 4  | Trang trại nuôi<br>trồng thủy sản<br>Đại diện:<br>Phạm Văn Hiện   | Thôn Ngọc Động,<br>xã Tiên Phong,<br>huyện Thường Tín,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0985.674.664 | Chuyên bán cá trắm, chép thương phẩm<br>phục vụ khu vực huyện Thường Tín và<br>một số khu vực lân cận. |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện   | Địa chỉ   | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh  |
|----|---|---|--|
| 1  | Cơ sở sản xuất<br>đồ gỗ mỹ nghệ<br>Hòa Thành<br>Đại diện:<br>Nguyễn Văn Thành | Xã Dục Tú,<br>huyện Đông Anh,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0963.204.968                                     | Chuyên kinh doanh các sản phẩm đồ gỗ<br>mỹ nghệ phục vụ khu vực Hà Nội và một<br>số khu vực lân cận.                       |
| 2  | Công ty cổ phần<br>truyền thông<br>Việt Bằng<br>Đại diện:<br>Nguyễn Thị Thanh | Số 26 tổ 4,<br>phường Giang Biên,<br>quận Long Biên,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0983.115.165              | Chuyên kinh doanh các sản phẩm đồ mỹ<br>nghệ phục vụ khu vực Hà Nội và một số<br>khu vực lân cận.                          |
| 3  | Làng nghề điêu khắc<br>gỗ mỹ nghệ<br>Đại diện:<br>Vũ Thị Trang                | Thôn Dư Dụ,<br>xã Thanh Thùy,<br>huyện Thanh Oai,<br>Hà Nội<br>ĐT: 036.599.6699                 | Chuyên kinh doanh tượng điêu khắc<br>và các sản phẩm đồ gỗ mỹ nghệ phục<br>vụ khu vực Hà Nội và một số khu vực<br>lân cận. |
| 4  | Cơ sở sản xuất nón<br>Chuông<br>Đại diện:<br>Tạ Thu Hương                     | Số nhà 26,<br>cầu Chuông,<br>xã Phương Trung,<br>huyện Thanh Oai,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0912.258.774 | Chuyên cung cấp các sản phẩm mây tre,<br>nón lá phục vụ khu vực Hà Nội và một số<br>khu vực lân cận.                       |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TẠI MỘT SỐ TỈNH PHÍA BẮC

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện                             | Địa chỉ   | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh   |
|----|---|---|---|
| 1  | Cơ sở kinh doanh chè<br>Đại diện:<br>Nguyễn Đức Đăng  | Xóm Sông Cầu,<br>xã Minh Lập,<br>huyện Đồng Hỷ,<br>tỉnh Thái Nguyên<br>ĐT: 0948.197.711               | Chuyên cung cấp chè xanh. Sản phẩm đã được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. |
| 2  | Cơ sở kinh doanh chè<br>Đại diện:<br>Lê Văn Hùng      | Tổ 21, phường Hoàng<br>Văn Thụ, TP Thái<br>Nguyên, tỉnh Thái<br>Nguyên<br>ĐT: 0982.400.858            | Chuyên cung cấp chè xanh. Sản phẩm đã được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. |
| 3  | Cơ sở kinh doanh chè<br>Đại diện:<br>Đào Ngọc Linh    | Xóm Hồng Thái 2,<br>xã Tân Cương,<br>TP Thái Nguyên,<br>tỉnh Thái Nguyên<br>ĐT: 0977.043.969          | Chuyên cung cấp chè xanh. Sản phẩm đã được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. |
| 4  | Cơ sở kinh doanh chè<br>Đại diện:<br>Dương Thái Cường | Số nhà 21, tổ 14,<br>phường Hoàng Văn Thụ,<br>TP Thái Nguyên,<br>tỉnh Thái Nguyên<br>ĐT: 0982.751.424 | Chuyên cung cấp chè xanh. Sản phẩm đã được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. |